

Bản án số: 143/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/6/2022

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN VĂN HÒA**

2. Bà **ÂU THỊ NGỌC HOA**

-Thư ký phiên tòa: Ông **NGUYỄN TRƯỜNG AN** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **NGUYỄN THÀNH THÊM** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 317/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **NGUYỄN THỊ MỸ D**, sinh năm 1999 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 0, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh **PHAN CHÍ T**, sinh năm 1998 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 0, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tờ tự khai cùng ngày 09/02/2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Do quen biết nên chị và anh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, có những lời lẽ xúc phạm đến chị và bạo hành với chị gây thương tích. Anh chị đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Con chung có một cháu tên Phan Minh T, sinh ngày 26/12/2016, hiện đang sống với anh T. Nay chị yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu giải quyết.

Theo tờ tự khai không đề ngày tháng năm, bị đơn anh Phan Chí T trình bày:

Do quen biết nên anh và chị D kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do chị D kêu về quê chị nhưng anh T đợi đến mừng 2 chở con về chung

nên chị D không đồng ý và cự cãi. Anh chị đã ly thân từ đó cho đến nay do chị D đã về nhà cha mẹ ruột sống. Ngoài nội dung trên thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì khác. Nay anh không đồng ý ly hôn do còn thương vợ thương con.

Con chung có một cháu tên Phan Minh T, sinh ngày 26/12/2016, hiện đang sống với anh. Nếu trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu chị D cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như trên.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Về hôn nhân cho chị D ly hôn với anh T. Về con chung không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị D. Giao cháu T cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy, cho chị D ly hôn anh T là có cơ sở. Bởi lẽ, trong suốt khoảng thời gian ly thân cho đến nay, anh chị cũng không có phương án gì để sắp xếp ổn thỏa mâu thuẫn vợ chồng. Đồng thời, tại phiên tòa, bản thân chị D khẳng định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn hàn gắn với anh T cũng như anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh không đưa ra được giải pháp nào thuyết phục để vợ chồng quay trở về chung sống chăm sóc con nhỏ. Từ đó, xác định cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung:* Xét thấy, tiếp tục giao cháu Phan Minh T, sinh ngày 26/12/2016 cho anh T nuôi là có cơ sở. Bởi lẽ, trước giờ cháu đã sống ổn định với anh T từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay cũng như anh T khẳng định có đủ điều kiện để chăm sóc con phát triển tốt. Từ đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu T nên tiếp tục giữ nguyên hiện trạng việc nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ D. Cho chị Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn anh Phan Chí T.

Về con chung: Tiếp tục cháu Phan Minh T, sinh ngày 26/12/2016 cho anh T nuôi. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0009672 ngày 26/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tænh Tiền Giang;

TÒA

- VKSND huyện Cai Bø;

- Chi cæc THADS huyện Cai Bø;

- UBND xã T;

- Cæc ãông sõi;

- Lõu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Hoàng Xuân Lam

